

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: 219/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 5

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: 1722/QĐ-TTg ngày
02 tháng 9 năm 2016 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10
năm 2016 ban hành quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; số
2068/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc bổ sung dự toán năm 2021
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình
mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ
Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;
Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ
trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm
nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn
2016-2020;*

*Công văn số 14807/BTC-NSNN ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài
chính về bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp – Việc làm
và An toàn lao động; Công văn số 5094/LĐTBXH-VPQGGN ngày 31 tháng 12
năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phạm
vi, đối tượng phân bổ vốn năm 2021;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh số: 66/2017/NQ-HĐND ngày 12
tháng 7 năm 2017 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ*

vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; 113/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 về quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020;

Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021; Báo cáo số 172/BC-DT ngày 11 tháng 4 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng dự toán Trung ương giao bổ sung năm 2021: 19.455 triệu đồng.

2. Chi tiết phân bổ các Dự án:

a. Dự án 1 - Tiêu dự án 3: Chương trình 30a - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, tổng kinh phí thực hiện: 15.184 triệu đồng

- Hoạt động 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các huyện nghèo: 12.184 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 06 huyện nghèo: 6.584 triệu đồng.

+ Phân bổ cho các đơn vị cấp tỉnh: 5.600 triệu đồng.

- Hoạt động 2: Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các huyện nghèo: 3.000 triệu đồng.

+ Phân bổ 07 mô hình cho các huyện nghèo: 2.100 triệu đồng.

+ Phân bổ cho đơn vị cấp tỉnh: 900 triệu đồng.

b. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: 4.271 triệu đồng.

- Hoạt động 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: Kinh phí 1.600 triệu đồng, phân bổ cho các đơn vị cấp tỉnh thực hiện các mô hình.

- Hoạt động 2: Nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: Kinh phí 2.671 triệu đồng, phân bổ cho các huyện miền núi thấp, đồng bằng và ven biển.

(Có các phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Nguồn kinh phí:

Từ nguồn Trung ương cấp bổ sung năm 2021 theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2; Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

Đỗ Trọng Hưng

Phụ lục số 01

**BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	DA 1: Chương trình 30a Tiểu DA 3 Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và NRMHGN xã ĐBK			DA 3:Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và NRMH giảm nghèo các xã ngoài CT 30a và CT135			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
				Hỗ trợ phát triển sản xuất huyện nghèo	NRMH giảm nghèo huyện nghèo		Hỗ trợ phát triển sản xuất	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	19.455	15.184	12.184	3.000	4.271	1.600	2.671	-
I	Cấp huyện	11.355	8.684	6.584	2.100	2.671	-	2.671	
1	Huyện Vĩnh Lộc	471	-	-	-	471	-	471	
2	Huyện Nông Cống	200	-	-	-	200	-	200	
3	Huyện Thọ Xuân	200	-	-	-	200		200	
4	Thị xã Nghi Sơn	200	-	-	-	200	-	200	
5	Huyện Quảng Xương	200	-	-	-	200		200	
6	Huyện Hoằng Hoá	200	-	-	-	200		200	
7	Huyện Hậu Lộc	200	-	-	-	200	-	200	
8	Huyện Như Thanh	200	-	-	-	200		200	
9	Huyện Thạch Thành	200	-	-	-	200	-	200	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	DA 1: Chương trình 30a Tiểu DA 3 Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và NRMHGN xã ĐBKK			DA 3:Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và NRMH giảm nghèo các xã ngoài CT 30a và CT135			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
				Hỗ trợ phát triển sản xuất huyện nghèo	NRMH giảm nghèo huyện nghèo		Hỗ trợ phát triển sản xuất	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
10	Huyện Cẩm Thủy	200	-	-	-	200	-	200	
11	Huyện Ngọc Lặc	200	-	-	-	200		200	
12	Huyện Như Xuân	200	-		-	200	-	200	
13	Huyện Thường Xuân	1.449	1.449	1.149	300	-	-	-	
14	Huyện Lang Chánh	1.401	1.401	1.101	300	-	-	-	
15	Huyện Bá Thước	1.371	1.371	1.071	300	-	-	-	
16	Huyện Quan Hoá	1.681	1.681	1.081	600	-	-	-	
17	Huyện Quan Sơn	1.371	1.371	1.071	300	-	-	-	
18	Huyện Mường Lát	1.411	1.411	1.111	300	-	-	-	
II	Các BQL rừng	2.400	2.400	2.400	-	-	-	-	-
1	Khu BTTN Pù Hu	400	400	400	-	-			
2	Khu BTTN Pù Luông	400	400	400	-	-			

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	DA 1: Chương trình 30a Tiểu DA 3 Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và NRMHGN xã ĐBK			DA 3:Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và NRMH giảm nghèo các xã ngoài CT 30a và CT135			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
				Hỗ trợ phát triển sản xuất huyện nghèo	NRMH giảm nghèo huyện nghèo		Hỗ trợ phát triển sản xuất	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
3	Khu BTTN Xuân Liên	800	800	800	-	-			
4	Ban QLRPH Thường Xuân	400	400	400					
5	Ban QLRPH Quan Sơn	400	400	400					
III	Các đơn vị cấp tỉnh	5.700	4.100	3.200	900	1.600	1.600	-	
1	Chi cục PTNT - Sở NN và PTNT	2.400	1.200	1.200	-	1.200	1.200		
2	Chi cục Kiểm lâm	400	400	400	-	-			
3	Viện Nông nghiệp	400	400	400		-			
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	700	300		300	400	400		
5	Tỉnh Đoàn Thanh niên	700	700	400	300	-			
6	Hội Nông dân tỉnh	700	700	400	300	-			
7	Hội cựu Chiến binh tỉnh	400	400	400		-			

Phụ lục số 02**DỰ ÁN I: CHƯƠNG TRÌNH 30A**

Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Hoạt động 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

TT	Đơn vị chủ trì	Dự án	Địa điểm thực hiện	Kinh phí
	Tổng cộng			12.184
I	Đơn vị cấp tỉnh			5.600
1	BQL Khu BTTN Pù Hu	Dự án chăn nuôi Lợn Táp Ná sinh sản.	Xã Hiền Kiệt và xã Hiền Chung, huyện Quan Hóa.	400
2	BQL Khu BTTN Pù Luông	Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	Xã Lũng Cao, huyện Bá Thước	400
3	BQL Khu BTTN Xuân Liên			800
		Dự án nuôi Ngỗng sư tử,	Xã Tân Thành, huyện Thường Xuân	400
		Dự án trồng Quế thâm canh.	Xã Xuân Lẻ, huyện Thường Xuân	400
4	BQL rừng phòng hộ Thường Xuân	Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân	400
5	BQL rừng phòng hộ Quan Sơn	Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh	400
6	Chi cục Phát triển nông thôn			1.200
		Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	Xã Nam Động, huyện Quan Hóa	400
		Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	Xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn	400
		Dự án chăn nuôi gà.	xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước	400
7	Chi cục Kiểm lâm	Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	Xã Mường Lý, huyện Mường Lát	400
8	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Dự án trồng cây ăn quả.	Xã Thiết Ống, huyện Bá Thước	400
9	Tỉnh đoàn Thanh niên	Dự án chăn nuôi gà ri lai	Xã Nam Tiến và xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa	400
10	Hội Nông dân tỉnh	Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh	400
11	Hội Cựu chiến binh tỉnh	Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn	400
II	Cấp huyện	Tổng điểm số tiêu chí	Định mức bình quân	6.584

TT	Đơn vị chủ trì	Dự án	Địa điểm thực hiện	Kinh phí
1	Huyện Thường Xuân	1.18	974.0	1.149
2	Huyện Lang Chánh	1.13	974.0	1.101
3	Huyện Bá Thước	1.10	974.0	1,071
4	Huyện Quan Hóa	1.11	974.0	1.081
5	Huyện Quan Sơn	1.10	974.0	1.071
6	Huyện Mường Lát	1.14	974.0	1.111

Phụ lục số 03

DỰ ÁN I: CHƯƠNG TRÌNH 30A

Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Hoạt động 2: Nhân rộng mô hình giảm nghèo

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị thực hiện	Địa bàn thực hiện	Tên mô hình	Kinh phí	Ghi chú
A	Tổng số			3.000	
I	Đơn vị cấp huyện			2.100	
1	Huyện Thường Xuân				
		Xã Xuân Thắng	Nuôi lợn nái sinh sản	300	
2	Huyện Lang Chánh				
		Xã Đồng Lương	Nuôi lợn nái sinh sản	300	
3	Huyện Bá Thước				
		Xã Điền Hạ	Chăn nuôi bò cái lai sind	300	
4	Huyện Quan Hoá			600	
		Xã Trung Sơn	Chăn nuôi lợn nái đen sinh sản	300	
		Xã Thiên Phú	Chăn nuôi lợn nái đen sinh sản	300	
5	Huyện Quan Sơn				
		Xã Mường Mìn	Nuôi lợn nái sinh sản	300	
6	Huyện Mường Lát				
		Xã Nhi Sơn	Nuôi lợn nái sinh sản	300	
II	Các đơn vị cấp tỉnh			900	
1	Hội Nông dân	Xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa	Nuôi dê thương phẩm	300	
2	Hội Liên hiệp PN	Xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước	Hợp tác xã chăn nuôi tổng hợp do phụ nữ làm chủ	300	
3	Tỉnh Đoàn thanh niên	Xã Trung Lý - Mường Lát	Nuôi gà ri lai thương phẩm	300	

Phụ lục số 04

**DỰ ÁN 3: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ VÀ
NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH 30A VÀ CHƯƠNG TRÌNH 135**

Hoạt động 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Dự án	Địa điểm thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí
	Tổng số			1.600
1	Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	Xã Thành Công, huyện Thạch Thành	Chi cục Phát triển nông thôn	1.200
	Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	Xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc		
	Dự án chăn nuôi Bò cái sinh sản.	Xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn		
2	Dự án trồng chanh leo	xã Thanh Sơn, huyện Như Xuân	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	400

Phụ lục số 05

DỰ ÁN 3: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH 30A VÀ CHƯƠNG TRÌNH 135

Hoạt động 2: Nhân rộng mô hình giảm nghèo

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị thực hiện	Địa bàn thực hiện	Tên mô hình	Kinh phí	Ghi chú
A	Dự toán cấp			2.671	
B	Phân bổ lần này			2.671	
1	Thị xã Nghi Sơn			200	
		<i>Xã Định Hải</i>	<i>Chăn nuôi bò sinh sản</i>	200	
2	Huyện Vĩnh Lộc			471	
		<i>Xã Ninh Khang</i>	<i>Trồng cây ngắn ngày</i>	200	
		<i>Xã Vĩnh Thịnh</i>	<i>Nuôi bò sinh sản</i>	271	
3	Huyện Nông Cống			200	
		<i>Xã Thăng Bình</i>	<i>Nuôi bò sinh sản, nuôi lợn thịt</i>	200	
4	Huyện Thọ Xuân			200	
		<i>Xã Thọ Lập</i>	<i>Chăn nuôi trâu, bò sinh sản</i>	200	
5	Huyện Quảng Xương			200	
		<i>Xã Quảng Lộc</i>	<i>Nuôi bò gà thương phẩm</i>	200	
6	Huyện Hoằng Hóa			200	
		<i>Xã Hoằng Lưu</i>	<i>Chăn nuôi bò sinh sản</i>	200	
7	Huyện Hậu Lộc			200	
		<i>Xã Phong Lộc (do Hội nông dân huyện thực hiện)</i>	<i>Nuôi gà thương phẩm</i>	200	
8	Huyện Như Thanh			200	
		<i>Xã Xuân Thái</i>	<i>Nuôi bò sinh sản</i>	200	

Số TT	Đơn vị thực hiện	Địa bàn thực hiện	Tên mô hình	Kinh phí	Ghi chú
9	Huyện Thạch Thành			200	
		<i>Xã Thành Minh</i>	<i>Chăn nuôi bò</i>	<i>200</i>	
10	Huyện Cẩm Thủy			200	
		<i>Xã Cẩm Yên</i>	<i>Nuôi trâu, bò cái sinh sản</i>	<i>200</i>	
11	Huyện Ngọc Lặc			200	
		<i>Xã Đồng Thịnh</i>	<i>Nuôi trâu, bò cái sinh sản</i>	<i>200</i>	
12	Huyện Như Xuân			200	
		<i>Xã Thanh Xuân</i>	<i>Nuôi trâu, bò cái sinh sản</i>	<i>200</i>	